

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 204/2019/HC-PT
Ngày 25 - 4 - 2019
V/v: khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Sáng

Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 04 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 333/2018/TLPT-HC ngày 6 tháng 7 năm 2018 về việc “Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2017/HC-ST ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 457/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1/. Bà **Nguyễn Ý Ng**, sinh năm: 1957. (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: đường X, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2/. Ông **Nguyễn Phương D**, sinh năm: 1961. (chết ngày 01/2/2018)

Địa chỉ: đường Ng, Phường A1, quận N, thành phố Cần Thơ.

3/. Ông **Nguyễn Phương Đ**, sinh năm: 1962. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Tr, phường A2, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của D, Đ, PH, H, D1: Bà **Nguyễn Ý Ng**, sinh năm: 1957.

Địa chỉ: Ấp M, xã M1, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Hộ khẩu thường trú: đường X, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyễn Ý Ng:

Luật sư **Lê Văn Đ và Trần Quốc Th** – Văn phòng Luật sư H và Cộng sự.
(có mặt)

- *Người bị kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long*

Người đại diện theo ủy quyền của UBND tỉnh Vĩnh Long: Ông **Lê Quang Tr** – Phó Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh Vĩnh Long:

Ông **Trần Minh Kh** – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.**

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thị xã B:

Ông **Nguyễn Văn D** – Phó Chủ tịch UBND thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thị xã B:

Ông **Bùi Minh Ch** – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã B.
(có mặt)

Ông **Nguyễn Thanh Ph** – Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã B. (có mặt)

2/. **Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Vĩnh Long**

Người đại diện theo ủy quyền của Trưởng Ban:

Ông **Đặng Quang T** – Phó Trưởng Ban. (có mặt)

Ông **Trương Văn T** – Trưởng Phòng Quản lý Quy hoạch Xây dựng và Môi trường. (có mặt)

3/. **Nguyễn Ý Kim Ph**, sinh năm: 1984. (vắng mặt)

4/. **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1991. (vắng mặt)

5/. **Nguyễn Quốc Anh D1**, sinh năm 1997. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M1, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 04/5/2017, ngày 12/5/2017 của bà Nguyễn Ý Ng và đơn khởi kiện ngày 10/7/2017 của ông Nguyễn Phương D, ông Nguyễn Phương Đ có cùng nội dung trình bày như sau:*

Quyết định hành chính bị kiện là Quyết định số 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (UBND) về việc thu hồi và giao đất 163,2 hecta, trong đó có hộ của bà Võ Thị Ng1 (đã chết) theo Tờ khai

kiểm kê đất vườn diện tích 8.718m², đất thổ cư 300m²; 01 căn nhà cấp 4 số tiền 451.096.000 đồng.

Quá trình trước khi thu hồi đất không họp dân có đồng ý giao đất làm Khu Công nghiệp (KCN) hay không, UBND tỉnh vẫn tiến hành ban hành quyết định thu hồi đất. Trong khi đó UBND tỉnh không công khai niêm yết tại nơi cư trú của người bị thu hồi đất, chỉ đưa bản kiểm kê nhưng bà Ng1 không ký tên, không đưa quyết định thu hồi đất. Hộ gia đình bà Ng1 chỉ nhận Tờ kiểm kê. Ngày 14/6/2004 và Thông báo về việc tháo dỡ di dời công trình phụ và phát hoang cây trồng. Ngày 15/9/2009 BQL. KCN chủ trương giải quyết đơn kiến nghị đồng thời công bố chủ trương quy hoạch xây dựng KCN.B.

Trong quá trình khiếu nại bà Ng yêu cầu UBND tỉnh ban hành quyết định thu hồi đất của từng cá nhân. Yêu cầu UBND tỉnh giải quyết Quyết định số 2016/QĐ.UB đúng với Luật đất đai năm 2003.

Ngày 20/9/2004 Trưởng Phòng PV28 đến ấp M họp; lý do bà ngăn cản không cho Công ty Hoàng Quân khởi công vì làm KCN B mà UBND tỉnh cho phép Công ty Hoàng Quân rao bán nền nhà với giá 1.800.000 đồng/m², trong khi đó thu hồi bồi thường 35.100 đồng/m² nên bà không đồng ý, tiếp tục gửi đơn đến UBND tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 30/6/2009 UBND tỉnh mời 22 hộ dân để trao đổi ý kiến và Thông báo đã báo cáo lên Phó Thủ tướng chấp thuận ký sửa đổi vốn đầu tư, nhưng hộ bà không đồng ý ký tên vào biên bản, lý do không có quyết định thu hồi đất.

Ngày 09/7/2009 Thông báo Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc đối thoại trực tiếp.

Ngày 27/12/2016 UBND tỉnh chủ trì đối thoại cũng không có quyết định thu hồi đất, chỉ nhận quyết định thu hồi tổng thể không có danh sách hộ cá nhân kèm theo và không có bản gốc.

Hộ bà Ng1 yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long đối với phần thu hồi phần đất của bà Ng1 cụ thể: Đất vườn 8.718m², đất thổ cư 300m², tổng diện tích 9.018m². Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh Vĩnh Long bồi thường thiệt hại trong suốt thời gian 13 năm bình quân 50.000.000 đồng/công/năm. Tổng số tiền 5.666.700.000 đồng.

- Tại bản khai bổ sung ngày 13/7/2017 của bà Nguyễn Ý Ng, ông Nguyễn Phương D, ông Nguyễn Phương Đ trình bày: Các ông bà không có quyền quyết định đến tài sản của bà Võ Thị Ng1, nhưng được hưởng các chính sách trong giải tỏa.

Về trình tự thủ tục, căn cứ pháp luật và thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Tỉnh làm không đúng trình tự thủ tục thu hồi đất, giao đất; thu hồi đất năm 2004 mà áp dụng Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ. Sử dụng đất không đúng quy hoạch KCN .

Thực hiện thu hồi đất không đúng theo quy định của Luật đất đai năm 2003 không thể đặt người dân bằng những văn bản hành chính trái pháp luật.

Điều 44 Luật đất đai năm 2003 thẩm quyền thuộc UBND cấp quận, huyện (Quyết định 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 thu hồi tổng thể).

Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quyết định thu hồi đất phải bao gồm nội dung thu hồi đất diện tích cụ thể đối với từng thửa đất. Thông báo thu hồi đất phải gửi đến từng cá nhân, trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại trụ sở UBND cấp xã,...

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường,...có trách nhiệm phối hợp với UBND cấp xã phổ biến và niêm yết công khai, gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ tái định cư đến từng người có đất bị thu hồi, trong đó ghi rõ mức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thời gian bàn giao đất.

Khi nhận Tờ khai ngày 19/3/2003, Bảng tính giá trị đền bù ngày 25/12/2003. Tổ kiểm kê có giải thích là do quy định có thời gian sử dụng, không đồng tình và có kiến nghị.

Quyết định số 585/QĐ.UB ngày 18/3/2004 Chủ tịch UBND tỉnh không nhận được và Thông báo số 24/TB.UBX ngày 19/7/2004 UBND xã M1, hộ bà Ng1 không thực hiện vì không thống nhất tiến trình thực hiện không dân chủ, thiếu tôn trọng người dân, hình thức tái định cư không thỏa đáng.

Thông báo 47/TB-UBND ngày 09/7/2009 nội dung giống với Quyết định 124/QĐ.UBND ngày 19/01/2006.

Yêu cầu: + Không công khai niêm yết giá đất bị thu hồi; không có biên bản họp dân, không có văn bản xác nhận đất thu hồi; giá cả tự áp đặt và thấp.

+ Điều 44 Luật đất đai năm 2003 quy định thẩm quyền thu hồi đất thuộc UBND cấp quận, huyện. Bà không có quyết định thu hồi chỉ có quyết định tổng thể không có danh sách đính kèm.

+ UBND tỉnh chuyển mục đích sử dụng KCN sang mục đích khác khi cho có ý kiến của Chính phủ.

+ Hủy Quyết định số 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 do không thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo Luật đất đai. Cụ thể: Bà có giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa có quyết định thu hồi đất.

Tại phiên đối thoại ông Nguyễn Phương D trình bày: Ông không có nhận được giấy mời nhận tiền bồi hoàn. Quyết định 585/QĐ.UB ông không nhận được nên không có ý kiến vì không biết nội dung của quyết định này. Yêu cầu hủy Quyết định 2016/QĐ.UB vì thu hồi đất không công khai; giá bồi hoàn thấp, trong đó có giá đất và các loại tài sản khác đều rất thấp; không áp dụng Luật đất đai năm 2003.

Yêu cầu áp giá lại cho hợp lý (ông không nêu được giá cụ thể); yêu cầu tái định cư tại chỗ; yêu cầu chính sách phải rõ ràng, áp dụng Luật đất đai năm 2003 không được áp dụng Nghị định của năm 1998.

Tại Công văn số 2146/UBND-NC ngày 05/6/2017 của UBND tỉnh Vĩnh Long phúc đáp như sau:

Thực hiện chủ trương của Chính phủ tại Công văn số 262/VP.CP.CN ngày 15/01/2002 về việc quy hoạch xây dựng KCN B.

Để sớm giải phóng mặt bằng triển khai xây dựng hạ tầng KCN B; căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng: *“Khi có quyết định thu hồi đất, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo lập Hội đồng đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng. Trường hợp cần thiết phải sớm giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án thì có thể thành lập Hội đồng đền bù trước khi có quyết định thu hồi đất..”*. UBND tỉnh thành lập Hội đồng đền bù và giải phóng mặt bằng (HĐDB & GPMB) KCN B để thực hiện việc kiểm kê, áp giá bồi hoàn đất, nhà ở, vật kiến trúc và cây trồng trên đất cho những hộ bị ảnh hưởng bởi dự án.

Ngày 19/9/2003 HĐDB & GPMB xây dựng KCN B có Thông báo số 308/TB-HĐ về việc niêm yết công khai áp giá bồi hoàn KCN B. Ngày 10/10/2003 HĐDB & GPMB xây dựng KCN B lập Biên bản kết thúc việc niêm yết áp giá bồi hoàn.

Ngày 18/3/2004 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 585/QĐ.UB về việc phê duyệt phương án đền bù giải tỏa mặt bằng xây dựng KCN B số tiền 110.076.519.000 đồng cho 680 tổ chức, cá nhân.

Ngày 08/7/2004 Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 2016/QĐ.UB về việc thu hồi và giao quyền sử dụng đất diện tích 1.632.122,6m² đất tọa lạc ấp M và ấp M2, xã M1, huyện B cho BQL các KCN Vĩnh Long quản lý để xây dựng KCN B.

Ngày 19/7/2004 UBND xã M1 Thông báo số 24/TB.UBX về việc quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh Vĩnh Long để xây dựng KCN B (nơi nhận của thông báo này có ghi: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất).

Dự án xây dựng KCN B có 680 tổ chức, hộ gia đình bị ảnh hưởng, trong đó có 657/680 tổ chức, hộ gia đình đồng ý nhận tiền bồi hoàn, hỗ trợ và bố trí tái định cư, chỉ còn 23 hộ gia đình không đồng ý giá bồi hoàn, hỗ trợ và tái định cư nên không nhận tiền và làm đơn khiếu nại, yêu cầu gọi UBND tỉnh, trong đó có hộ bà Ng1.

Căn cứ thẩm quyền được quy định tại Điều 138 Luật đất đai năm 2003; Điều 23 Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998 sửa đổi, bổ sung năm 2004. Ngày 19/01/2006 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 124/QĐ.UBND giải quyết bác đơn khiếu nại của bà Ng1 (đã chết) con là Nguyễn Ý Ng đại diện. Ngày 27/02/2006 tổ chức công bố và trao quyết định giải quyết khiếu nại cho bà Ng1.

Không đồng ý với nội dung giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh, bà Ng cùng các hộ dân gọi đơn khiếu nại đến Thanh tra Chính phủ.

Ngày 26/12/2007 Thanh tra Chính phủ có Báo cáo số 2746/BC-TTCP về kết quả thanh việc giải quyết khiếu nại của các hộ dân liên quan đến KCN B, tỉnh Vĩnh Long gửi Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo UBND tỉnh Vĩnh Long:

+ Ban hành đầy đủ quyết định giải quyết khiếu nại của công dân theo quy định của pháp luật. Với những trường hợp đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại rồi nhưng nay họ có đơn khiếu nại tiếp cần xem xét lại, nếu khiếu nại đúng thì ban hành quyết định thay thế (sửa), nếu khiếu nại sai thì có văn bản trả lời.

Thực hiện kiến nghị của Thanh tra Chính phủ, ngày 30/6/2009 Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức đối thoại với đại diện 22 hộ dân có khiếu nại. Qua đó ngày 09/7/2009 Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Thông báo Kết luận số 47/TB-UBND trả lời 09 nội dung khiếu nại, yêu cầu của đại diện các hộ dân (nơi nhận thông báo này có ghi: Đại diện 22 hộ dân khiếu nại KCN B).

Như vậy, UBND tỉnh Vĩnh Long khẳng định Quyết định số 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc thu hồi và giao quyền sử dụng đất diện tích 1.632.122,6m² đất, tọa lạc ấp M và ấp M2, xã M1, huyện B cho BQL các KCN Vĩnh Long quản lý để xây dựng KCN B và Quyết định số 585/QĐ.UB ngày 18/3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án đền bù giải tỏa mặt bằng xây dựng KCN B thì hộ gia đình của bà Ng1 đã biết được từ năm 2004, 2005, 2006; hơn nữa theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 138 Luật đất đai năm 2003: *Trường hợp khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai do Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giải quyết lần đầu mà người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết thì có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân*. Nhưng từ năm 2004, 2005, 2006 đến nay (tháng 5/2017) đã hơn 11 năm bà Ng mới khởi kiện tại Tòa án.

Từ những cơ sở trên, căn cứ Điều 116 Luật tố tụng hành chính thì thời hiệu để chỉ khởi kiện Quyết định số 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long và buộc UBND tỉnh Vĩnh Long bồi thường thiệt hại về cây trồng số tiền 5.666.700.000 đồng đã hết.

UBND tỉnh Vĩnh Long bảo lưu Quyết định số 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 143 Luật tố tụng hành chính.

- *Tại Công văn 2786/UBND-NC ngày 14/7/2017 của UBND tỉnh Vĩnh Long trình bày ý kiến bổ sung như sau:*

+ Quá trình giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị Ng1 theo hồ sơ giải quyết khiếu nại không có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Ý Ng khiếu nại.

+ Sau khi ban hành Quyết định 124/QĐ.UBND ngày 19/01/2006 giải quyết bác yêu cầu của bà Ng1 (đã chết), UBND tỉnh không sửa đổi, bổ sung nội dung giải quyết khiếu nại nào khác.

+ Đến nay UBND thị xã B chưa thu hồi hoặc chỉnh lý biến động giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Võ Thị Ng1 đối với phần đất thu hồi theo Quyết định 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004.

+ UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo cơ quan chức năng phối hợp với Công ty H kiểm tra, rà soát hoàn cảnh của các hộ gia đình bị thu hồi đất để có hình thức hỗ trợ phù hợp để ổn định cuộc sống.

+ Chính phủ chỉ đạo giải quyết bằng Công văn 702/VPCP-V.II ngày 29/01/2008 của Văn Phòng Chính phủ.

+ Thực hiện Kết luận của Thanh tra Chính phủ đối với hộ bà Ng1 để giảm bớt phần nào khó khăn, UBND tỉnh đã xem xét vận dụng hỗ trợ học nghề trực tiếp bằng tiền cho hộ bà Ng1 5.550.000 đồng theo Quyết định 293/QĐ-UBND ngày 03/02/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án hỗ trợ kinh phí học nghề (số tiền này và diện tích đến nay hộ bà Ng1 chưa nhận).

Các cuộc đối thoại ngày 30/6/2009, 27/12/2016 thực chất là các cuộc tiếp công dân mục đích để phân tích, giải thích cho các hộ hiểu rõ quy định việc bồi thường đất, cây trồng, bố trí tái định cư và một số chính sách hỗ trợ khác cũng như việc UBND tỉnh không ban hành quyết định thu hồi đất của từng cá nhân, hộ gia đình để thực hiện dự án KCN B. Các cuộc tiếp công dân không có nội dung nào khác với Quyết định 124/QĐ.UBND ngày 19/01/2006.

Tư cách tham gia đối thoại của bà Nguyễn Ý Ng là đại diện hộ bà Võ Thị Ng1.

- *Tại phiên đối thoại ông Nguyễn Văn Đ trình bày:* Khi có Công văn 262/VP.CP.CN ngày 15/01/2002 về quy hoạch xây dựng KCN B, UBND tỉnh triển khai họp dân, kiểm đếm lại, gia đình cũng đồng ý kiểm đếm lại nhà, vật kiến trúc và các tài sản khác, xác định ranh giới, mốc giới thửa đất, UBND tỉnh cung cấp số liệu lại cho gia đình biết. Hội đồng xét duyệt xã cũng xét duyệt các loại tài sản trên đất là đúng, diện tích đất là đúng, không có hộ dân nào khiếu nại. HĐĐB áp giá đền bù, sau đó thông báo cho dân biết, trong thời gian niêm yết không có khiếu nại, sau đó giao lại tờ kê khai gởi cho hộ gia đình. Phát sinh 13 hộ không đồng ý và có khiếu nại.

Năm 2005 các hộ dân có đơn khiếu nại và đã có quyết định giải quyết khiếu nại. Ngày 08/7/2004 UBND tỉnh mới ban hành quyết định thu hồi đất, kèm theo danh sách thu hồi. Trên cơ sở quyết định này, UBND xã M1 ban hành Thông báo số 24/TB-UBX ngày 19/7/2004 về việc quyết định thu hồi đất, kèm theo danh sách tổng hợp diện tích.

Quyết định thu hồi đất này ban hành ngày 08/7/2004, Luật đất đai năm 2003 ban hành ngày 01/7/2004, đến tháng 29/10/2004 mới có Nghị định 181/2004/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003. Và Luật này có điều luật chuyển tiếp những dự án nào đã phê duyệt phương án bồi thường thì căn cứ vào đó thực hiện không thay đổi. Đối với danh sách niêm yết chỉ quy định niêm yết tại UBND xã, trách nhiệm của người dân là phải tìm hiểu.

Về thực hiện chính sách năm 2003, Luật đất đai năm 2003 có hiệu lực nhưng chưa có văn bản hướng dẫn thi hành nên phải thực hiện theo các quy định trước đó. Thực hiện Nghị định 22/1998/NĐ-CP là đúng chính sách của nhà nước. Nếu tái định cư ở xã Đông Bình xa, người dân yêu cầu tái định cư tại chỗ thì UBND tỉnh cũng đã mua lại khu đất của Công ty Hoàng Quân để giao lại cho người dân. Khẳng định quyết định đúng quy định pháp luật, vẫn bảo lưu quyết định này.

- *Tại phiên đối thoại ông Trương Văn Tuấn trình bày:* Tổng giá trị bồi hoàn hộ bà Ng1 454.359.000 đồng, tiền lãi tính đến hết ngày 30/9/2009 là 36.612.019 đồng, tổng số tiền 490.951.019 đồng. Việc chi trả tiền bồi hoàn có lịch chi trả của HĐĐB. Về chính sách tái định cư là 02 lô mỗi lô là 150m², tổng cộng 300m², dãy C1 khu nhà ở chuyên gia của Công ty Hoàng Quân, thuộc ấp M2, xã M1 (hai nền liền kề). Nếu nhận tái định cư, BQL sẽ giao hai nền ở dãy C1 khu nhà ở chuyên gia của Hoàng Quân.

- *Tại Công văn 656/UBND-NC ngày 18/7/2017 của UBND thị xã B phúc đáp như sau:*

+ UBND thị xã B không thể xác định được Thông báo 24/TB.UBX ngày 19/7/2004 có được tổng đạt đến đương sự hay không do dự án KCN B do UBND tỉnh thành lập HĐĐB & GPMB thực hiện. Tuy nhiên, phần nội nhận của Thông báo có ghi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất; quyết định thu hồi của UBND tỉnh là quyết định chung kèm theo Bảng tổng hợp diện tích và Trích đo bản đồ địa chính nên không thể xác định được từng hộ gia đình, cá nhân có ý kiến hay không.

+ Theo Quyết định 581/QĐ.UBT ngày 19/3/2001 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc thành lập HĐĐB & GPMB; tại thời điểm này việc kiểm kê, lập phương án đền bù, thu hồi đất là do HĐĐB & GPMB thực hiện, UBND huyện B (nay là thị xã B) chỉ tham gia hỗ trợ nên không thể xác định được.

+ Tờ khai và kiểm kê là do HĐĐB & GPMB thực hiện, UBND huyện B (nay là thị xã B) không tham gia nên không xác định (đương sự không ký xác nhận; có trường hợp người có thẩm quyền không xác nhận).

+ Theo quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh, bà Ng1 chưa nhận tiền đền bù nên chưa giao giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường để thu hồi theo quy định.

+ Từ khi UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, UBND thị xã B không có nhận đơn của hộ gia đình, cá nhân liên quan đến việc giải quyết đơn khiếu nại của UBND tỉnh.

+ Việc tổ chức chi trả bồi thường là do HĐĐB & GPMB bằng thực hiện (trực tiếp là Ban Quản lý các KCN tỉnh thực hiện).

- *Tại phiên đối thoại ông Lê Quang Tr trình bày:* Khẳng định UBND tỉnh giải quyết đúng thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật. UBND vẫn bảo lưu quan điểm giữ nguyên các quyết định giải quyết. Đã vận dụng bố trí tái định cư, học nghề. Trường hợp bà chấp hành, UBND tỉnh sẽ vận động doanh nghiệp hỗ

trợ từ 10 đến 15% trên số tiền bồi hoàn. Nếu Tòa án xét xử số tiền hỗ trợ của doanh nghiệp bà sẽ không được nhận.

- *Tại phiên đối thoại ông Nguyễn Văn D trình bày:* Khẳng định quyết định của UBND tỉnh đúng trình tự thủ tục. Đối với yêu cầu hủy quyết định đề nghị Tòa xem xét. Chứng minh việc đúng đắn của quyết định thì có trên 600 hộ đã nhận tiền và tái định cư. Đối với việc bà phản ánh thái độ của một số CBCC thực hiện nhiệm vụ thì tiếp thu và chấn chỉnh lại.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Ý Ng người đại diện theo ủy quyền vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Đồng thời nêu ra các yêu cầu:

+ Hủy một phần Quyết định 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 và rút lại đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại khi có đủ chứng cứ sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự.

+ Hủy Quyết định số 124/QĐ.UBND ngày 19/01/2006 vì quyết định này không chấp nhận yêu cầu của bà Ng1 về nâng giá các loại tài sản của bà Ng1, bà Ng1 cho rằng giá bồi hoàn là thấp.

+ Quyết định số 585/QĐ.UB ngày 18/3/2004 về phê duyệt phương án đền bù của dự án KCN B ban hành khung giá tài sản để ban hành quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên làm thiệt hại đến quyền lợi về tài sản của bà Ng1 nên yêu cầu hủy một phần quyết định này có liên quan đến giá trị tài sản của bà Ng1.

Theo bà Ng biết là không có họp dân, Báo cáo của Thanh tra Chính phủ thể hiện không đủ số trang, do đó có quyền nghi theo hướng bất lợi.

Khi kiểm kê thì có phối hợp chặt chẽ, nhưng khi áp giá thì quá thấp. Thực tế biết được việc thu hồi đất qua truyền miệng, nhưng không thể thiếu văn bản là quyết định thu hồi đất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày:

+ Các căn cứ để yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 là: Vi phạm về thẩm quyền thu hồi đất theo khoản 2 Điều 44 Luật đất đai năm 2003; vi phạm quyền hạn của UBND theo khoản 3 Điều 83 Luật Tổ chức HĐND & UBND là thuộc thẩm quyền của UBND, Chủ tịch UBND ký ban hành là trái với quy định, xâm phạm quyền hạn của cơ quan khác; không tổng đạt quyết định đến đương sự có đất bị thu hồi.

Tại phiên đối thoại, người khởi kiện không biết Quyết định số 585/QĐ.UB ngày 18/3/2004 nên không khởi kiện mà chỉ kiện về việc thu hồi đất. Không có quy định nào cho thu hồi đất nông nghiệp, theo trình bày của đại diện người bị kiện do Luật đất đai năm 2003 mới có hiệu lực chưa có hướng dẫn nên áp dụng điều luật của Luật không còn giá trị là không đúng.

Trên cơ sở Điều 23 Luật đất đai năm 2003 quy định về thẩm quyền giao đất: Chính vì thẩm quyền giao đất quy định tại Điều 28 Luật đất đai năm 1993 thì chỉ có UBND cấp huyện mới có quyền thu hồi đất.

Quyết định thu hồi đất là cá nhân, vì vậy việc Thông báo số 24/TB-UBX ngày 19/7/2004 được niêm yết tại UBND xã là không đúng và không có danh sách kèm theo.

+ Quyết định số 124/QĐ.UBND ngày 19/01/2006 không đáp ứng các yêu cầu cần thiết nên tiếp tục khiếu nại. UBND tỉnh đã giải quyết một số vấn đề tại cuộc đối thoại ngày 27/12/2016, kết quả không có vấn đề nào khác nên bà Ng (đại diện theo ủy quyền) khởi kiện tại Tòa án. Về diện tích đất thu hồi là đúng.

Đề nghị hủy một phần Quyết định số 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 của UBND tỉnh để làm lại quyết định khác cho đúng với pháp luật.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh trình bày: + Căn cứ Luật đất đai năm 2003, thời điểm có hiệu lực được 08 ngày. Nhưng chưa có văn bản hướng dẫn nên vẫn áp dụng Nghị định 66/2001/NĐ-CP ngày 28/9/2001 của Chính phủ và Thông tư 2074/2001/TT-TCĐC ngày 14/12/2001 của Tổng Cục địa chính là phù hợp với quy định hiện hành.

Đến ngày 29/10/2004 Chính phủ ban hành Nghị định số 181/2004/NĐ-CP về thi hành Luật đất đai 2003, tại khoản 1 Điều 38 Luật đất đai 2003 được hướng dẫn tại Điều 130 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ. Như vậy người khởi kiện cho rằng Luật đất đai 2003 có hiệu lực từ ngày 01/7/2004 phải áp dụng ngay khoản 2 Điều 44 là không phù hợp và không đúng quy định pháp luật.

+ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất nào thì có quyền thu hồi đất đó, được hiểu là UBND tỉnh Vĩnh Long có thẩm quyền giao đất cho BQL các KCN tỉnh thì có quyền thu hồi đất. Luật sư bảo vệ cho người khởi kiện hiểu UBND huyện Bình Minh (nay là thị xã B) có thẩm quyền giao đất cho hộ bà Võ Thị Ng1, thì có quyền thu hồi đất theo khoản 2 Điều 44 Luật đất đai 2003 là không đúng quy định pháp luật. Vì hộ bà Nguyễn sử dụng đất trên cơ sở nguồn gốc đất của ông bà để lại có quá trình sử dụng ổn định lâu dài, không tranh chấp, được UBND huyện cấp giấy Chứng nhận theo quy định pháp luật.

Việc Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 về việc thu hồi và giao đất là căn cứ điểm b khoản 1 Điều 127 Luật Tổ chức HĐND & UBND năm 2003. Tuy về hình thức chưa đúng, nhưng về nội dung không sai. Do vậy về quan điểm người bảo vệ quyền lợi cho UBND tỉnh Vĩnh Long xác định quyết định thu hồi và giao đất của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành là phù hợp với quy định pháp luật.

+ Trước khi UBND tỉnh ban hành Quyết định 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 về việc thu hồi và giao đất, HĐDB & GPMB tiến hành đo đạc kiểm kê đất của hộ bà Võ Thị Ng1 thì được bà phối hợp rất tốt cụ thể như: “xác định ranh giới mốc giới thửa đất”. Khi HĐDB & GPMB áp giá đền bù về đất có thông báo niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã M1, trụ sở Ban nhân dân ấp M, ấp M2 và nhà Trưởng ấp M và M2 để hộ gia đình, cá nhân biết. Đến ngày 08/4/2004 Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 2016/QĐ.UB về việc thu hồi và giao đất, kèm bảng tổng hợp danh sách của tổ chức, hộ gia đình cá nhân và được UBND xã M1 ban hành Thông báo số 24/TB.UBX ngày 19/7/2004 tiếp tục

niêm yết tại trụ sở UBND xã để hộ dân bị thu hồi đất biết. Như vậy cho thấy cơ quan nhà nước đã thực hiện việc niêm yết công khai rộng rãi về số thửa, diện tích, loại đất và tiền đền bù cho các hộ dân biết, trong đó có hộ bà Võ Thị Ng1 (đại diện là Nguyễn Ý Ng). Do đó bà Nguyễn Ý Ng cho rằng không biết là không đúng và yêu cầu ban hành quyết định cá biệt là không có cơ sở và đúng quy định pháp luật.

UBND tỉnh không ban hành quyết định riêng lẻ vì quyết định thu hồi đất có kèm theo Bảng tổng hợp diện tích đất thu hồi (cụ thể đối với hộ của bà Ng1).

+ Trước khi thực hiện quy hoạch KCN B, BQL các KCN tỉnh đã phối hợp với cơ quan chức năng tỉnh, UBND huyện B (nay là thị xã B), UBND xã M1 mời các hộ dân bị ảnh hưởng KCN B (gồm: Ấp M và ấp M2) họp để triển khai chủ trương và các văn bản quy phạm pháp luật về thu hồi đền bù đất, tài sản, cây trồng, ... hiện biên bản này đã bị thất lạc là do cán bộ BQL các KCN quản lý hồ sơ nghỉ hưu, còn cán bộ xã M1 thì chuyển công tác và nghỉ việc, nên Biên bản họp dân chưa tìm được. Vấn đề này UBND tỉnh đã giao BQL các KCN tỉnh khẩn trương tìm kiếm.

Qua thực tế cho thấy việc đền bù xây dựng KCN B đã được sự đồng tình của đa số các hộ dân, cụ thể đến nay có 98,09% tổng số hộ bị thu hồi nhận tiền đền bù và bàn giao đất. Chứng minh được trước khi thu hồi đất có họp dân triển khai các văn bản quy phạm pháp luật liên quan về thu hồi đền bù đất, nên có sự đồng thuận cao, không có sự áp đặt bằng quyết định hành chính của cơ quan nhà nước như hộ bà Nguyễn Ý Ng đã nêu.

Đối với yêu cầu trả lại một phần diện tích đất đã thu hồi là không phù hợp vì đã thực hiện quy hoạch và san lấp xong.

+ Báo cáo Thanh tra Chính phủ là văn bản chỉ đạo giữa cơ quan nhà nước cấp trên đối với cấp dưới, không phải là văn bản hành chính nên người khởi kiện không có quyền khởi kiện đối với văn bản này. Vấn đề nào có liên quan đến quyền lợi của đương sự thì cung cấp và phần nào thuộc về chỉ đạo thì không cần thiết phải cung cấp vì không liên quan đến lợi ích của người khởi kiện.

Mặt khác theo quy định tại Thông tư số 08/2015/TT-BCA ngày 27/01/2015 của Bộ Công an thì tài liệu này thuộc tài liệu bí mật nhà nước độ mật trong ngành Thanh tra nên không cung cấp toàn bộ nội dung theo yêu cầu.

+ Giá đất: Nhà nước thực hiện chính sách thu hồi đất nào thì đền bù đất đó. Còn giao đất là lĩnh vực khác, Nhà nước quyết định là đơn phương. Khi giao đất cho Công ty Cổ phần tư vấn Thương mại Dịch vụ Địa ốc H, không để thất thu của ngân sách địa phương. Khi chuyển mục đích sử dụng phải nộp thuế chuyển mục đích sử dụng (đối với phần diện tích được giao cho Công ty theo Quyết định số 2017/QĐ.UB ngày 08/7/2004).

- Ban Quản lý các KCN trình bày: Hộ bà Võ Thị Ng1 được kiểm kê vào ngày 17/3/2003 có ông Đ (là con của bà Ng1) tham gia và ý kiến: Gia đình thống nhất chấp hành việc giải tỏa để làm KCN, thống nhất phần tài sản đã được kiểm kê, nhưng chỉ chưa thống nhất về giá đền bù. Yêu cầu được tái định cư tập

trung (đơn đề ngày 17/3/2003) cũng như Tờ cam kết về phân tài sản kiểm kê được anh Đ xác nhận.

HĐDB & GPMB áp giá đối với diện tích 9.018m² và nhà ở, cây trồng, vật kiến trúc; các chính sách hỗ trợ có tổng số tiền 454.339.000 đồng. Đối với khoản tiền học nghề 6.000.000 đồng, gia đình bà Ng1 đã nhận, số tiền còn lại do chưa nhận tiền đền bù nên số tiền nêu trên được gửi tại Ngân hàng được tính lãi. Đến nay có tổng số tiền là 490.951.019 đồng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2017/HC-ST ngày 11/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Ngày 19/12/2017, những người khởi kiện gồm bà Nguyễn Ý Ng, ông Nguyễn Phương D và ông Nguyễn Phương Đ kháng cáo yêu cầu hủy các Quyết định số 2016/QĐ-UB ngày 8/7/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long về việc thu hồi đất và Quyết định số 124/QĐ.UBND ngày 19/01/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Võ Thị Ng1.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện có quan điểm cho rằng:

- Quyết định số 2016 đã căn cứ Luật đất đai năm 2003 và Luật tổ chức HĐND – UBND năm 2003 là không phù hợp về thẩm quyền. Theo Luật đất đai năm 2003 thì việc thu hồi đất thuộc thẩm quyền của UBND huyện, vì vậy ở trường hợp này Phó Chủ tịch ký quyết định là không đúng.

- Căn cứ cho việc bồi thường là không đúng quy định của pháp luật tại thời điểm thu hồi, có biểu hiện vội vàng, hấp tấp và không đúng pháp luật gây bức xúc rất lớn. Vì vậy hiện nay khu công nghiệp B vẫn chưa được triển khai.

- Việc thu hồi đất để nhằm mục đích gì không được thể hiện rõ ràng.

Đề nghị hủy án sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng pháp luật.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên Bản án số 20/2017/HC-ST ngày 11/12/2017 về việc khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Viện kiểm sát, của người khởi kiện, người bị kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về hình thức đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1] Về đối tượng khởi kiện: cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện là các quyết định số 2016 và 124 là phù hợp theo quy định của Luật tổ tụng hành chính. Cụ thể:

1/ Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 08/7/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long kèm theo bản tổng hợp diện tích và trích đo bản đồ hiện trạng vị trí mặt bằng sử dụng đất thuộc công trình xây dựng khu công nghiệp B ngày 05/7/2004 của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Vĩnh Long.

2/ Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 19/01/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị Ng1 (đã chết), con là Nguyễn Ý Ng làm đại diện.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 116 Luật tố tụng hành chính cấp sơ thẩm xác định các quyết định số 2016, 585 và 133 còn thời hiệu là phù hợp.

[3] Xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của các quyết định là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính thì thấy đúng thẩm quyền ban hành văn bản.

[3.1] Về nội dung: Dự án xây dựng khu công nghiệp B có 680 tổ chức, hộ gia đình bị ảnh hưởng, trong đó có 657/680 tổ chức, hộ gia đình đồng ý nhận tiền bồi hoàn, hỗ trợ và bố trí tái định cư, chỉ còn 23 hộ gia đình không đồng ý giá bồi hoàn, hỗ trợ và tái định cư nên không nhận tiền và làm đơn khiếu nại, trong đó có hộ của bà Võ Thị Ng1 (đã chết) do con là Nguyễn Ý Ng làm đại diện. Bà Ng cho rằng, quá trình trước khi thu hồi đất không họp dân lấy ý kiến của người dân có đồng ý giao đất làm khu công nghiệp không, nhưng Ủy ban nhân dân tỉnh vẫn tiến hành ban hành quyết định thu hồi đất nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt mà thu hồi tổng thể. Không công khai niêm yết tại nơi cư trú của người bị thu hồi đất và lập biên bản họp dân, mà chỉ đưa bản kiểm kê. Hộ gia đình bà chỉ nhận được một số loại giấy tờ do Ban giải phóng mặt bằng tự kiểm kê, tự áp giá mức bồi hoàn nhưng gia đình bà không biết và không ký tên. Do đó, người khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định 2016 và quyết định 124.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Ng, ông D và ông Đ là không có căn cứ, bởi lẽ: việc xây dựng khu công nghiệp B là thực hiện theo chủ trương của Chính phủ tại văn bản số 262/VP.CP.CN ngày 15/01/2002. Do đó để sớm giải phóng mặt bằng triển khai xây dựng hạ tầng khu công nghiệp B nên Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng đền bù và giải phóng mặt bằng để thực hiện việc kiểm kê, áp giá bồi hoàn đất, nhà ở, vật kiến trúc và cây trồng trên đất cho những hộ bị ảnh hưởng, cho nên trong trường hợp này Ủy ban tỉnh không ban hành quyết định thu hồi đất riêng lẻ mà ban hành quyết định thu hồi đất tổng thể dự án (quyết định 2016) và điều này phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 về đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và hoàn toàn phù hợp với báo cáo kết luận của Thanh tra Chính phủ ngày 26/12/2007.

Phía người khởi kiện kháng cáo cho rằng, có sai phạm về trình tự thủ tục ban hành các quyết định thu hồi đất và bồi hoàn hỗ trợ tái định cư và yêu cầu hủy một phần quyết định số 2016 và quyết định giải quyết khiếu nại số 124. Tuy nhiên, việc sai sót về trình tự, thủ tục ban hành các quyết định là không nghiêm trọng, cơ bản là mức giá bồi hoàn và các chính sách bồi hoàn hỗ trợ chỗ ở mới với diện tích là 300m² là phù hợp theo quy định của Luật đất đai và các văn bản

hướng dẫn vào thời điểm đền bù. Đồng thời, đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì cho rằng: chỉ khởi kiện đối với Chủ tịch UBND chứ không khởi kiện UBND, việc cấp sơ thẩm xác định người bị kiện là UBND là sai và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Đối với quan điểm này, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng: ở trường hợp này, việc xác định tư cách người bị kiện là Chủ tịch UBND hay UBND không làm ảnh hưởng đến nội dung cũng như bản chất của việc thu hồi đất và các chính sách có liên quan đến việc thu hồi. Chủ tịch UBND cũng là đại diện cho UBND trong quá trình thực hiện công vụ theo luật định. Đồng thời, yêu cầu này cũng vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, vì vậy không được chấp nhận.

[3.2] Chính vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện cũng không đưa ra được những chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, vì vậy không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát cấp cao là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Bà Nguyễn Ý Ng được miễn tiền án phí phúc thẩm. Ông Nguyễn Phương Đ phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính năm 2015

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Ý Ng, ông Nguyễn Phương D và ông Nguyễn Phương Đ.

Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 20/2017/HC-ST ngày 11/12/2017 về việc khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Tuyên xử:

+ Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ý Ng, ông Nguyễn Phương D, ông Nguyễn Phương Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ của hộ bà Võ Thị Ng1) về việc yêu cầu hủy một phần quyết định Quyết định số 2016/QĐ.UB ngày 08/7/2004 của UBND tỉnh Vĩnh Long, đối với phần diện tích thu hồi là 9.018m², quyết định này kèm theo Bảng tổng hợp diện tích và trích đo bản đồ hiện trạng vị trí mặt bằng sử dụng đất thuộc công trình xây dựng khu công nghiệp B ngày 05/7/2004 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

+ Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ý Ng, ông Nguyễn Phương D, ông Nguyễn Phương Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ hộ bà Võ Thị Ng1) về việc yêu cầu hủy Quyết định số 124/QĐ.UBND ngày 19/01/2006 của Chủ tịch UBND

tỉnh Vĩnh Long về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Võ Thị Ng1 do bà Nguyễn Ý Ng làm đại diện.

Bà Nguyễn Ý Ng được miễn tiền án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn lại cho bà Ng 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0000843 ngày 05/01/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Ông Nguyễn Phương Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000997 ngày 27/6/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao(1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh(1);
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long (1);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long (1);
- Đương sự (9);
- Lưu hồ sơ(1),VP(3),20b.LĐA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Mười